

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 - CÀ MAU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 173/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 7 – 2026

“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Hồng Cẩm

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Thư ký phiên toà: Bà Lưu Thị Hà Tiên - Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1170/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Trí N, sinh ngày 15/5/1988. Số CCCD: 096088013749. Địa chỉ cư trú: Khóm Ô, phường L, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

Bị đơn: Bà Lâm Thị Mỹ D, sinh năm 1989. Số CCCD: 096189015398. Địa chỉ cư trú: Khóm F, phường T, thành phố C (nay là phường T, tỉnh Cà Mau). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Ngô Trí N trình bày và xác định yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Ông với bà Lâm Thị Mỹ D kết hôn vào ngày 30/12/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, Tp ., tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130/2011 - nay là UBND phường L, tỉnh Cà Mau), hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng thì bà D thường xuyên đi làm xa nhà, ông đã nhiều lần khuyên ngăn bà D về sống chung gia đình nhưng bà D không đồng ý, từ việc vợ chồng thường xuyên xa cách nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà D.

Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Kiến H, sinh ngày 07/02/2012 và Ngô Khánh B, sinh ngày 11/9/2010. Hiện hai con đang sống cùng ông N, khi ly hôn ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn bà Lâm Thị Mỹ D, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà D đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng bà D vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lâm Thị Mỹ D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến để tham gia các phiên xét xử nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông N, bà D xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo giấy chứng nhận kết hôn số 130/2011, ngày 30/12/2011) đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Ông N yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Quá trình chung sống, ông N xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông N xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với bà D được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.

Để tạo điều kiện cho ông, bà được hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án triệu tập các đương sự đến Tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà D vắng mặt không rõ lý do, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông N, không đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, việc này cho thấy bà D cũng không có tha thiết, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với ông N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà D. Xét thấy, hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N về việc xin ly hôn với bà D.

[4] Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Kiến H, sinh ngày 07/02/2012 và Ngô Khánh B, sinh ngày 11/9/2010. Hiện hai con đang sống cùng ông N. Khi

ly hôn, ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, bà D không có ý kiến về yêu cầu này của ông N. Nguyên vọng của hai cháu là muốn sống cùng ông N khi cha mẹ ly hôn, thực tế hai con cũng đang sống với ông N. Do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của các cháu nên tiếp tục giao hai con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, ông N không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với bà D, đây là sự tự nguyện của ông N, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Ông N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông N xác định không có. Bà D không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề này nên chấp nhận ý kiến của ông N.

[7] Về án phí: Ông N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Trí N xin ly hôn với bà Lâm Thị Mỹ D.

2/ Về con chung: Giao hai con chung tên Ngô Kiến H, sinh ngày 07/02/2012 và Ngô Khánh B, sinh ngày 11/9/2010 cho ông Ngô Trí N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với bà Lâm Thị Mỹ D.

Bà D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Ông N khai không có nên không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Ông Ngô Trí N phải chịu số tiền 300.000 đồng, ngày 13/4/2026, ông N nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004237 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ, chuyển thu Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy N1